

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ - ST.  
Ngày: 06/8/2024.  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Hồ  
Ông Phạm Hoàng Kiệt

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Hải Đăng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Lệ M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: **Ấp Đ, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang**. (có mặt)

2/ **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hoàng K**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **Ấp Đ, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang**. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện vụ án hôn nhân đề ngày 05 tháng 01 năm 2024 nguyên đơn chị **Lê Thị Lệ M** (sau đây gọi tắt là chị **M**) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **M** và anh **Nguyễn Hoàng K** (sau đây gọi tắt là anh **K**) được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện U, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 23/5/2018. Vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị **M** yêu cầu ly hôn với anh **K**.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung tên **Nguyễn Lê Băng N**, sinh ngày 19/3/2007, giới tính nữ và **Nguyễn Lê Mai A**, sinh ngày 10/9/2012, giới tính nữ. Chị **M** yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng K** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh **K** cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh **K** còn thương vợ con nên xin hàn gắn tiếp tục chung sống, anh **K** không đồng ý ly hôn với chị **M**.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung tên **Nguyễn Lê Băng N**, sinh ngày 19/3/2007, giới tính nữ và **Nguyễn Lê Mai A**, sinh ngày 10/9/2012, giới tính nữ. Anh **K** đồng ý giao 02 con chung cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy khai sinh (bản sao), Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2018, biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị **M** yêu cầu ly hôn với anh **K** và yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh **K** không đồng ý ly hôn với chị **M** xin hàn gắn tiếp tục chung sống với chị **M**.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **M** ly hôn với anh **K**; Giao các con chung cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung chị **M** và anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **M** và anh **K** được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/5/2018. Vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 8/2023 cho đến nay. Trong quá trình vợ chồng sống ly thân anh **K** không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống, chị **M** cương quyết ly hôn với anh **K**, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị **M** yêu cầu ly hôn với anh **K** căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[2] Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Lê Băng N, sinh ngày 19/3/2007, giới tính nữ và Nguyễn Lê Mai A, sinh ngày 10/9/2012, giới tính nữ, hiện các con chung đang sống với chị **M**. Anh **K** đồng ý giao các con chung cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì vậy, HĐXX giao con chung cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị **M** không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con, HĐXX không xem xét.

Anh **K** có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Chị **M** và anh **K** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị **M** và anh **K** xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **M** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000635, ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị **Lê Thị Lệ M** được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng K**.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên **Nguyễn Lê Băng N**, sinh ngày 19/3/2007, giới tính nữ và **Nguyễn Lê Mai A**, sinh ngày 10/9/2012, giới tính nữ cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **K** có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Lê Thị Lệ M** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000635, ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị **M** đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận**

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm Loan**